

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2026/HC-PT
Ngày 09/6/2026.
V/v khiếu kiện yêu cầu hủy
quyết định hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán:

ông Phạm Tồn

ông Đinh Phước Hòa

- Thư ký phiên tòa: ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng: ông **Quách Đức Dũng**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 304/2025/TLPT-HC ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc “Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 93/2025/HCST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1076/2026/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Nguyễn Văn Đ - sinh năm 1976.

Địa chỉ: số B đường H, tổ A phường N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Đà Nẵng (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng).

Địa chỉ: số D đường L, phường N, thành phố Đà Nẵng.

- **Người đại diện theo pháp luật:** ông Nguyễn H; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- **Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N:** ông Nguyễn Đức V; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Đà Nẵng (văn bản ủy quyền số 21/UQ-UBND ngày 17/6/2025). Có mặt.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Đà Nẵng:** ông Huỳnh Quang T; chức vụ: Phó Trưởng phòng

Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị [phường N, thành phố Đà Nẵng](#). Có mặt.

2.2. [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) và Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#).

Địa chỉ: [số B đường T, phường H, thành phố Đà Nẵng](#).

- Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#): bà [Nguyễn Thị Anh T1](#); chức vụ: Phó Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) (văn bản ủy quyền số 03/UQ-UBND ngày 09/7/2025). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#): ông [Nguyễn Trường S](#); chức vụ: Phó Giám đốc [Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ](#). Có mặt.

2.3. Bộ trưởng [Bộ N1](#).

Địa chỉ: [số A đường T, phường C, thành phố Hà Nội](#). Vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bộ trưởng [Bộ N1](#): ông [Vũ Xuân K](#); chức vụ: chuyên viên [Cục Q](#) thuộc [Bộ N1](#). Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà [Hà Thị V1](#) - sinh năm 1989; địa chỉ: [số B đường H, tổ A phường N, thành phố Đà Nẵng](#). Có mặt.

4. Người kháng cáo: người khởi kiện ông [Nguyễn Văn Đ](#).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Người khởi kiện ông [Nguyễn Văn Đ](#) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà [Hà Thị V1](#) (vợ của ông [Nguyễn Văn Đ](#)) thống nhất trình bày:

Năm 2002, gia đình ông [Nguyễn Văn Đ](#) nhận chuyển nhượng của ông [Nguyễn Văn D1](#) một mảnh đất diện tích 668,0m² tại [tổ F, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng](#). Việc chuyển nhượng được Ủy ban nhân dân phường xác nhận. Ngày 14/4/2002, ông [Nguyễn Văn Đ](#) đăng ký sử dụng đất tại [Ủy ban nhân dân phường H](#) và nộp thuế nhà đất tại [Chi cục Thuế quận N](#). Gia đình ông [Nguyễn Văn Đ](#) xây nhà ở và công trình phụ trên diện tích đất khoảng 440m² ở và sinh sống ổn định, không ai tranh chấp đến khi có quyết định thu hồi. Đây là chỗ ở duy nhất của cả gia đình ông.

Ngày 20/4/2004, [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) ban hành Quyết định số 8332/QĐ-UB V/v thu hồi đất, giao đất cho [Ban Q1](#) sử dụng để xây dựng [khu tái định cư Đ](#). Theo đó, gia đình ông [Nguyễn Văn Đ](#) bị thu hồi toàn bộ diện tích 439,7m² đất tại thửa 21, tờ bản đồ 128 và các tài sản công trình trên đất. Quá trình giải quyết bồi thường của Nhà nước cho gia đình ông như sau: năm 2010, gia đình ông [Nguyễn Văn Đ](#) được nhận đền bù với tổng số tiền 18.073.540đồng gồm: đất đai 4.836.700đồng, nhà cửa, vật kiến trúc 11.035.600đồng, cây cối hoa màu 2.131.400đồng, trợ cấp khác 69.840đồng. Năm 2012, gia đình ông [Nguyễn Văn Đ](#) nhận được Thông báo số 534 ngày 08/11/2012 thông báo kết quả giải quyết bồi thường hỗ trợ bổ sung: hỗ trợ 50% giá đất ở với diện tích 200/m² = 41.800.000đồng, hỗ trợ thêm 239,7m² x 24.000đồng = 54.752.800đồng, hỗ trợ kinh doanh 5.000.000đồng. Bố trí 01 lô đất. Tổng cộng 52.552.800đồng. Năm 2014, gia đình ông [Nguyễn Văn Đ](#) nhận được Thông báo số 424 ngày 20/8/2014 thông báo kết quả giải quyết bồi thường hỗ trợ bổ sung: hỗ trợ thêm (xây dựng): 25.000.000đồng, hỗ trợ khó khăn 25.000.000đồng, hỗ trợ sản xuất ngừng kinh doanh 15.000.000đồng, hỗ trợ nhân khẩu 6.000.000đồng, hỗ trợ cây cối hoa màu

5.600.000đồng, hỗ trợ thêm về nhà VKT 10.000đồng. Tổng hỗ trợ thêm 86.600.000đồng. Cho đến nay, gia đình ông [Nguyễn Văn Đ](#) được đền bù, hỗ trợ với số tiền 157.266.540đồng và 01 lô đất. Gia đình ông [Nguyễn Văn Đ](#) rất hoan nghênh và chấp hành việc thu hồi đất theo quy định.

Tuy nhiên, việc bồi thường đất đai, tài sản và hoa màu trên đất cho gia đình ông [Nguyễn Văn Đ](#) không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Cụ thể:

Thứ nhất: Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ chưa đúng quy trình: ngày 20/4/2004, Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) ban hành Quyết định số 8332/QĐ-UB về thu hồi đất để thực hiện dự án [khu tái định cư Đ](#) nhưng không ban hành quyết định phê duyệt phương án, bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để gửi cho người có đất bị thu hồi. Đến ngày 29/10/2010, chính Ban Giải toả đền bù các dự án đầu tư - xây dựng số 1 Đà Nẵng thuộc Văn phòng [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) mới lập Bảng tính giá trị đền bù. Đến ngày 08/11/2012, Ban Giải toả đền bù các dự án đầu tư - xây dựng số 1 Đà Nẵng thuộc Văn phòng [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) mới ban hành Thông báo số 543/TB-BGTGB với nội dung: thông báo bồi thường cho gia đình ông [Nguyễn Văn Đ](#) 50% giá đất ở cho diện tích 200m².

Thứ hai: xác định diện tích đất ở khi thu hồi để thực hiện bồi thường không đúng. Đồng thời, thu hồi và thực hiện bồi thường, hỗ trợ chậm dẫn đến quyền lợi của gia đình bị ảnh hưởng, giá bồi thường, hỗ trợ không đủ để tái định cư và ổn định đời sống.

Theo quy định của pháp luật đất đai thì toàn bộ diện tích 439,7m² đất tại thửa đất số 21, tờ bản đồ 128 và các tài sản công trình trên đất của gia đình ông [Đ](#) bị thu hồi phải được xem xét bồi thường, hỗ trợ là đất ở nhưng Ủy ban nhân dân các cấp chỉ xác định hỗ trợ cho gia đình ông [Nguyễn Văn Đ](#) 50% giá đất ở đối với 200m² (theo hạn mức đất ở tại địa phương) là không đúng quy định và chưa thỏa đáng để ông [Nguyễn Văn Đ](#) tái định cư, ổn định đời sống. Mặt khác, quyết định thu hồi ban hành năm 2004 nhưng đến 2010 mới lập Bảng tính giá trị đền bù và năm 2012 mới thực hiện chi trả và áp giá bồi thường theo quyết định giá năm 2007 là giá quá thấp so với hiện tại, số tiền ông [Nguyễn Văn Đ](#) nhận được 157.266.540đồng không đủ để ông xây dựng nhà tái định cư. Không những thế, ngày 24/5/2022, các cơ quan có thẩm quyền thành phố Đà Nẵng đến cưỡng chế phá dỡ toàn bộ nhà cửa, công trình gia đình ông [Đ](#) dẫn đến vợ chồng, con cái của ông không có nhà ở, sống cảnh màn trời chiếu đất.

Để các con có chỗ ở, yên tâm học tập và vợ chồng ông có điều kiện lao động nuôi các con, ông [Nguyễn Văn Đ](#) mong muốn [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) và [Ủy ban nhân dân quận N](#) bồi thường cho gia đình ông 100% giá đất ở tại thời điểm chi trả đối với toàn bộ 439,7m²; đồng thời, bố trí thêm 01 lô tái định cư có thu tiền sử dụng đất. Nay ông [Nguyễn Văn Đ](#) khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét hủy các quyết định sau:

- Văn bản trả lời đơn khiếu nại của công dân số 4304/UBND-BGPMB ngày 18/12/2024 của Chủ tịch [Ủy ban nhân dân quận N](#), thành phố Đà Nẵng;

- Quyết định số 8332/QĐ-UB ngày 20/4/2004 của Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) về thu hồi đất để thực hiện dự án [khu tái định cư Đ](#);

- Các Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 2959/QĐ-UBND ngày 21/8/2019, số 2957/QĐ-UBND ngày 10/9/2020, số 3143/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của Chủ tịch [Ủy ban nhân dân quận N](#);

- Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) về giải quyết khiếu nại lần đầu;

- Quyết định số 1669/QĐ-BTNMT ngày 30/7/2020 của Bộ trưởng [Bộ N1](#) về giải quyết khiếu nại lần hai.

Tại phiên toà, ông [Nguyễn Văn Đ](#) và vợ là bà [Hà Thị V1](#) xác nhận đã nhận đủ tiền bồi thường, hỗ trợ tổng cộng 221.625.740đồng và 01 lô đất.

* *Người bị kiện:*

- Chủ tịch [Ủy ban nhân dân phường N](#), thành phố *Đà Nẵng* trình bày: hộ ông [Nguyễn Văn Đ](#) thuộc diện giải toả đi hẳn để thực hiện dự án [khu tái định cư Đ](#), hồ sơ số 0324, với tổng diện tích thu hồi 439,7m² đất.

+ Về nguồn gốc sử dụng đất: đăng ký theo Nghị định số 64-CP thuộc một phần thửa đất số 291, tờ bản đồ số 09, diện tích 668,0m² đất LN do bà [Nguyễn Thị N](#) kê khai; Biên lai thuế năm 2002; Giấy bán đất của ông [Nguyễn Văn D1](#) cho ông [Nguyễn Văn Đ](#) được Ủy ban nhân dân phường xác nhận ngày 04/2/2002; hộ khẩu trú tại [tổ Đ](#) (mới), chuyển đến tháng 4/2008, hai nhân khẩu; hiện trạng: có nhà.

Trường hợp của hộ ông [Nguyễn Văn Đ](#) sử dụng đất có nguồn gốc đăng ký 64-CP là đất trồng cây lâu năm. Do đó, theo quy định không được bồi thường về đất ở, không giải quyết về bố trí tái định cư. Tuy nhiên, Hội đồng bồi thường thiệt hại và giải phóng mặt bằng dự án [Khu tái định cư Đ](#) đã rà soát, kiểm tra thực tế tại vị trí giải toả, xét thấy chủ hộ đang sinh sống và ở thực tế tại nơi giải toả, có hộ khẩu và sử dụng đất trước ngày 01/7/2004. Do vậy, Hội đồng bồi thường thiệt hại và giải phóng mặt bằng dự án [Khu tái định cư Đ](#) đã thống nhất trình Ủy ban nhân dân thành phố và được Ủy ban nhân dân thành phố xem xét phê duyệt giải quyết các chính sách về bồi thường, hỗ trợ đất ở và bố trí tái định cư như sau:

Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) ban hành các Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 13/3/2012, số 8986/QĐ-UBND ngày 30/10/2012, số 6051/QĐ-UBND ngày 22/8/2014, số 8130/QĐ-UBND ngày 12/11/2014, số 232/QĐ-UBND ngày 09/02/2023, số 3670/QĐ-UBND ngày 01/10/2020, số 232/QĐ-UBND ngày 09/02/2023; theo đó, ông [Nguyễn Văn Đ](#) đã được bồi thường, hỗ trợ gồm:

+ Về tổng tiền bồi thường, hỗ trợ 221.625.740đồng, cụ thể: (+) Bảng tính giá trị đền bù: 18.073.540đồng.(+) Hỗ trợ về đất: hỗ trợ 50% giá đất ở cho diện tích 200m² (thay cho mức hỗ trợ 11.000đ/m²), cụ thể hỗ trợ thêm: 41.800.000đồng. Hỗ trợ thêm 24.000đồng/m² cho diện tích 239,7m², cụ thể hỗ trợ: 5.752.800đồng;

Sau đó, đã hỗ trợ thêm cho hộ ông [Đ](#) 30% theo giá đất ở cho diện tích 239,7m²: 31.640.400đồng; (+) Hỗ trợ thêm về nhà, vật kiến trúc: 37.759.000đồng (+) Các khoản hỗ trợ khác: 86.600.000đồng.

+ Về bố trí đất tái định cư: 01 lô đất hộ chính đường 5,5m khu tái định cư.

Ông [Nguyễn Văn Đ](#) đã nhận đủ toàn bộ số tiền 221.625.740đồng và đã xây nhà ở trên lô đất được bố trí. Tuy nhiên, chủ hộ không thống nhất với các kết quả giải quyết và có đơn khiếu nại ngày 04/7/2019 gửi Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) với nội dung: “Khiếu nại về việc bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định

cur. Yêu cầu đền bù 100% giá đất ở cho diện tích 200m², phần diện tích còn lại 239,7m² đền bù theo đất vườn, bố trí 02 lô đất hộ chính đường 7,5m đồng thời kiến nghị hỗ trợ khó khăn”. Ngày 14/01/2020, Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) đã ban hành Quyết định số 131/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với hộ ông [Nguyễn Văn Đ](#). Theo đó, không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông. Sau đó, ông [Nguyễn Văn Đ](#) tiếp tục gửi đơn khiếu nại lần hai đến Bộ trưởng [Bô N1](#) và Môi trường với nội dung: khiếu nại yêu cầu bồi thường diện tích 668m², trong đó bồi thường 100% giá đất ở cho diện tích 200m², hỗ trợ 50% theo giá đất ở đối với diện tích còn lại, giao 02 lô đất hộ chính đường 7,5m.

Ngày 30/7/2020, Bộ trưởng [Bô N1](#) ban hành Quyết định số 1669/QĐ-BTNMT về việc giải quyết khiếu nại của hộ ông [Nguyễn Văn Đ](#) lần hai, theo đó có kết luận: tại thời điểm thu hồi đất (năm 2004) diện tích thực tế của ông [Nguyễn Văn Đ](#) đang sử dụng là 439,7m² đất, việc ông [Đ](#) yêu cầu được bồi thường theo diện tích 668m² bà [N](#) kê khai đăng ký theo Nghị định 64-CP của Chính phủ (năm 1993) là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 47 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ nên không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông [Nguyễn Văn Đ](#).

Như vậy, việc giải quyết các chính sách về bồi thường, hỗ trợ và bố trí đất tái định cư như trên đối với hồ sơ giải tỏa đền bù của hộ ông [Nguyễn Văn Đ](#) là phù hợp và đúng quy định pháp luật. Do đó, Chủ tịch [Ủy ban nhân dân phường N](#) đề nghị Tòa án tuyên bác yêu cầu khởi kiện của ông [Nguyễn Văn Đ](#) đối với nội dung khởi kiện “Đề nghị tuyên hủy Công văn 4304/UBND-BGPMB ngày 18/12/2024 của Chủ tịch [Ủy ban nhân dân quận N](#), thành phố Đà Nẵng về việc trả lời đơn công dân [Nguyễn Văn Đ](#) (địa chỉ: [tổ F, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng](#))”.

- Ủy ban nhân dân và Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) trình bày tại các văn bản gửi Tòa án như sau: ngày 07/11/2003, Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) ban hành Quyết định số 6987/QĐ-UB về việc phê duyệt Tổng mặt bằng quy hoạch chi tiết xây dựng [Khu tái định cư Đ, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng](#). Ngày 20/4/2004, Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) ban hành Quyết định số 8332/QĐ-UB về việc thu hồi đất, giao đất cho [Ban Q1](#) sử dụng để xây dựng [Khu tái định cư Đ](#); theo đó thu hồi khu đất có diện tích 439,7m² do hộ ông [Nguyễn Văn Đ](#) quản lý thuộc tờ bản đồ số 128, thửa số 21; giao toàn bộ diện tích trên cho [Ban Q1](#) sử dụng để xây dựng [Khu tái định cư Đ, thành phố Đà Nẵng](#).

Ngày 01/9/2011, Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) ban hành Quyết định số 7597/QĐ-UBND phê duyệt Phương án bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng dự án [Khu tái định cư Đ](#) (trong đó quy định nguyên tắc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với các hộ có nhà ở được áp dụng theo Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 71/2007/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 của [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#)). Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) đã ban hành các Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 13/3/2012, số 8986/QĐ-UBND ngày 30/10/2012, số 6051/QĐ-UBND ngày 22/8/2014 và số 8130/QĐ-UBND ngày 12/11/2014 phê duyệt giải quyết hỗ trợ, đền bù và bố trí tái định cư cho ông [Nguyễn Văn Đ](#), ông đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và nhận đất như [Ủy ban nhân](#)

[dân phường N](#) trình bày.

Ngày 04/7/2019, ông [Nguyễn Văn Đ](#) có đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#): khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư. Yêu cầu đền bù 100% giá đất ở cho diện tích 200m², phần diện tích còn lại 239,7m² đền bù theo đất vườn; bố trí 02 lô đất hộ chính đường 7,5m đồng thời kiến nghị hỗ trợ khó khăn.

[Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) đã xác minh nội dung khiếu nại nhận thấy: hộ ông [Nguyễn Văn Đ](#) thuộc diện giải tỏa dự án [Khu tái định cư Đ](#), hồ sơ đền bù số 0324, diện tích đất sử dụng: 439,7m², diện tích đất thu hồi 439,7m² (Quyết định thu hồi đất số 8332/QĐ-UB ngày 20/4/2004 của Ủy ban nhân dân thành phố). Đăng ký theo Nghị định số 64-CP thuộc tờ bản đồ số 09, thửa 291, diện tích 668m² loại đất LN do bà [Nguyễn Thị N](#) kê khai. Năm 2002, ông [Nguyễn Văn Đ](#) nhận chuyển nhượng đất của ông [Nguyễn Văn D1](#). Giấy bán đất của ông [Nguyễn Văn D1](#) có ghi nội dung: đất do cha mẹ để lại và được Ủy ban nhân dân phường xác nhận ngày 04/02/2002, ông [Đ](#) nộp thuế năm 2002, hộ khẩu chuyển đến tháng 4/2008, hiện trạng có nhà (tại nơi đăng ký hộ khẩu).

Căn cứ kết quả xác minh, đối thoại, Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) đã ban hành Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 về việc giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Văn Đ](#), cụ thể:

+ Đối với việc bồi thường đất: trường hợp hộ ông [Nguyễn Văn Đ](#) sử dụng đất có nguồn gốc đăng ký 64-CP là đất trồng cây lâu năm được Hội đồng bồi thường thiệt hại và giải phóng mặt bằng [quận N](#) đã rà soát, xác định thời gian sử dụng đất trước 01/7/2004 (xác nhận của Ủy ban nhân dân phường) nên thống nhất trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét hỗ trợ 50% về đất ở cho diện tích 200m², diện tích còn lại 239,7m² theo giá đất nông nghiệp là đúng theo khoản 1 Điều 7 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 71/2007/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố: "Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở ổn định, liên tục do nhận chuyển nhượng, cho, tặng, tự chuyển mục đích sử dụng sang đất ở từ 15/10/1993 đến trước 01/7/2004 nhưng không có giấy tờ hợp lệ, đã sử dụng làm nhà ở ổn định, được Ủy ban nhân dân phường, xã xác nhận không tranh chấp thì hỗ trợ không quá hạn mức giao đất ở, diện tích đất còn lại (nếu có) thì hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư". Phương án bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng dự án [Khu tái định cư Đ, phường H, quận N](#) (ban hành kèm theo Quyết định số 7597/QĐ-UBND ngày 01/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và Điều 1 Quyết định số 08/2008/QĐ-UBND ngày 28/01/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở đối với thửa đất ở có vườn, ao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn [thành phố Đà Nẵng các phường H, H](#): 200m²/hộ.

+ Đối với việc bố trí đất tái định cư: việc bố trí 01 lô đất hộ chính đường 5,5m cho hộ ông [Nguyễn Văn Đ](#) là đúng theo điểm a khoản 2 Điều 44 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 71/2007/QĐ-UBND: "Trường hợp hộ có diện tích đất ở bị thu hồi từ 1/4 hạn mức công nhận hoặc 1/2 hạn mức giao đến 01 hạn mức (bao gồm cả đất ở và đất khuôn viên) thì bố trí 01 lô" và phù hợp thực tế dự án. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định: không chấp nhận nội

dung khiếu nại của ông [Nguyễn Văn Đ](#). Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông [Nguyễn Văn Đ](#) về việc hủy Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#).

- Bộ trưởng [Bộ N1](#) và và Môi trường trình bày tại các văn bản gửi Tòa án như sau: diện tích đất ông [Nguyễn Văn Đ](#) khiếu nại có nguồn gốc của bà [Nguyễn Thị Nho](#). Năm 1993, [Ủy ban nhân dân huyện H](#) tổ chức kê khai đăng ký (có đo vẽ bản đồ giấy) theo Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp; đất của bà [Nguyễn Thị N](#) kê khai thuộc thửa đất số 291, tờ bản đồ số 09, [xã H \(nay là phường H, quận N\)](#), diện tích 668m², loại đất ký hiệu LN (đất trồng cây lâu năm). Sau đó, ông [Nguyễn Văn D1](#) (con trai của bà [N](#), trú tại [phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng](#)) tiếp tục quản lý, sử dụng. Năm 2002, ông [Nguyễn Văn D1](#) chuyển nhượng toàn bộ thửa đất nêu trên cho ông [Nguyễn Văn Đ](#), việc chuyển nhượng có viết giấy (ghi nguồn gốc do cha mẹ để lại), được [Ủy ban nhân dân phường H](#) xác nhận ngày 04/02/2002. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông [Đ](#) xây dựng nhà ở, có nộp thuế nhà đất năm 2002 (đăng ký hộ khẩu chuyển đến tháng 4/2008).

Ngày 20/4/2004, Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) ban hành Quyết định số 8332/QĐ-UB thu hồi toàn bộ thửa đất của ông [Đ](#) đang sử dụng để thực hiện dự án [Khu tái định cư Đ](#) (kết quả đo đạc tại thời điểm thu hồi, đất thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 128, diện tích 439,70m²). Ngày 01/9/2011, Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) ban hành Quyết định số 7597/QĐ-UBND phê duyệt Phương án bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng dự án [Khu tái định cư Đ](#) (trong đó quy định nguyên tắc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với các hộ có nhà ở được áp dụng theo quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 71/2007/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 của [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#). Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) đã ban hành các Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 13/3/2012, số 8986/QĐ-UBND ngày 30/10/2012 và số 6051/QĐ-UBND ngày 22/8/2014 phê duyệt giải quyết hỗ trợ, đền bù và bố trí tái định cư cho ông [Đ](#).

Nhận thấy, diện tích thực tế ông [Nguyễn Văn Đ](#) đang sử dụng là 439,70m² đất, việc ông [Đ](#) yêu cầu được bồi thường theo diện tích 668m² bà [Nguyễn Thị N](#) kê khai đăng ký theo Nghị định số 64-CP của Chính phủ (năm 1993) là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 47 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai.

Ông [Đ](#) sử dụng đất vào mục đích để ở sau ngày 15/10/1993, do đó được bồi thường 50% theo giá đất ở đối với 200m² (hạn mức giao đất ở) là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai. Đối với diện tích còn lại (239,70m²), ông [Đ](#) chỉ được bồi thường theo giá đất nông nghiệp, mà

không được hỗ trợ 30% theo giá đất ở là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Điều 9 và khoản 2 Điều 23 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 71/2007/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 của [Ủy ban nhân dân thành phố Đ.](#) Ông [Nguyễn Văn Đ](#) được giao 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất (hộ chính) đường 5,5m [Khu tái định cư Đ](#) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ. Do đó, ông [Nguyễn Văn Đ](#) yêu cầu được giao thêm đất tái định cư là không có cơ sở.

Từ nội dung nêu trên, Bộ trưởng [Bộ N1](#) ban hành Quyết định số 1669/QĐ-BTNMT ngày 30/7/2020 về giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Văn Đ](#) là đúng quy định của pháp luật. Bộ trưởng [Bộ N1](#) giữ nguyên Quyết định số 1669/QĐ-BTNMT ngày 30/7/2020 về giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Văn Đ](#). Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 93/2025/HC-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Áp dụng Điều 30, 32, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng Hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông [Nguyễn Văn Đ](#) về yêu cầu huỷ: Văn bản trả lời đơn khiếu nại của công dân số 4304/UBND-BGPMB ngày 18/12/2024 của Chủ tịch [Ủy ban nhân dân quận N](#), thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 8332/QĐ-UB ngày 20/4/2004 của Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) về thu hồi đất để thực hiện dự án [Khu tái định cư Đ](#); các Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 2959/QĐ-UBND ngày 21/8/2019; số 2957/QĐ-UBND ngày 10/9/2020; số 3143/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của Chủ tịch [Ủy ban nhân dân quận N](#); Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) về giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 1669/QĐ-BTNMT ngày 30/7/2020 của Bộ trưởng [Bộ N1](#) về giải quyết khiếu nại lần hai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2025, người khởi kiện ông [Nguyễn Văn Đ](#) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện ông [Nguyễn Văn Đ](#) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

- Ông [Huỳnh Quang T](#) trình bày lời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Chủ tịch [ủy ban nhân dân phường N](#), thành phố Đà Nẵng: diện tích đất thu hồi căn cứ diện tích đất thực tế sử dụng nên ông [Nguyễn Văn Đ](#) yêu cầu bồi thường diện tích 668m² đất là không đúng. Ông [Nguyễn Văn Đ](#) sử dụng đất trước 01/7/2004, không có nhà ở nào khác nên được bố trí 01 lô đất tái định cư là đúng quy định của pháp luật. Các quyết định khác cũng được ban hành đúng quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông [Nguyễn Văn Đ](#).

- Ông [Nguyễn Trường S](#) trình bày lời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân và Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#): [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) đã bồi thường về đất theo hạn mức 200m² đất ở, bồi thường tài sản trên đất và bố trí tái định cư cho hộ ông [Nguyễn Văn Đ](#) là đã giải quyết đầy đủ chính sách cho hộ ông [Đ](#). Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông [Nguyễn Văn Đ](#).

- Ông [Vũ Xuân K](#) trình bày lời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bộ trưởng [Bộ N1](#) và Môi trường: việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông [Nguyễn Văn Đ](#) là đúng quy định của pháp luật. Ông [Nguyễn Văn Đ](#) không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì mới. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông [Nguyễn Văn Đ](#).

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật. Việc ông [Nguyễn Văn Đ](#) nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông [Nguyễn Văn Đ1](#) không làm thay đổi loại đất. Quá trình thẩm định, ông [Nguyễn Văn Đ](#) đã xác nhận và không khiếu nại về diện tích đất thu hồi. Ông [Nguyễn Văn Đ](#) không có nơi ở khác nên được bố trí 01 lô đất tái định cư là đã xem xét. Tòa án cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông [Nguyễn Văn Đ](#) là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện ông [Nguyễn Văn Đ](#), giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 93/2025/HC-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của người khởi kiện ông [Nguyễn Văn Đ](#), Hội đồng xét xử thấy:

[1.1] Về diện tích đất thu hồi: quyền sử dụng đất của ông [Nguyễn Văn Đ](#) có nguồn gốc là của bà [Nguyễn Thị Nho](#). Bà [Nguyễn Thị N](#) đăng ký kê khai theo Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 đối với thửa đất số 291, tờ bản đồ số 09 (sau này là thửa đất số 21, tờ bản đồ 128), diện tích 668m², loại đất trồng cây lâu năm và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2002, ông [Nguyễn Văn Đ1](#) (là con của bà [Nguyễn Thị N](#)) đã chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho ông [Nguyễn Văn Đ](#). Việc chuyển nhượng không qua thủ tục công chứng theo quy định, chỉ viết giấy chuyển nhượng, được [Ủy ban nhân dân phường H](#) xác nhận ngày 04/02/2002. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông [Nguyễn Văn Đ](#) xây dựng nhà ở, nộp thuế nhà đất năm 2002. Căn cứ Quyết định số 6987/QĐ-UB ngày 07/11/2003 của Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) về việc phê duyệt Tổng mặt bằng quy hoạch chi tiết xây dựng [Khu tái định cư Đ, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng](#), ngày 20/4/2004, Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) ban hành Quyết định số 8332/QĐ-UB về việc thu hồi đất, giao cho [Ban Q1](#) để xây dựng [Khu tái định cư Đ](#). Theo đó, thu hồi diện tích 439,7m² đất tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 128 là đúng diện tích đo đạc thực tế do hộ ông [Nguyễn Văn Đ](#) đang quản lý. Xét việc Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) ban hành Quyết định số 8332/QĐ-UB nêu trên là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và có căn cứ. Do đó, ông [Nguyễn Văn Đ](#) kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 8332/QĐ-UB nêu trên

là không có cơ sở chấp nhận.

[1.2] Ông [Nguyễn Văn Đ](#) khiếu nại yêu cầu đền bù 100% giá đất ở cho diện tích 200m², phần diện tích còn lại 239,7m² đền bù theo đất vườn và bố trí hai lô đất hộ chính đường 7,5m, đồng thời kiến nghị hỗ trợ khó khăn. Xét thấy, hộ gia đình ông [Nguyễn Văn Đ](#) sử dụng đất có nguồn gốc đăng ký theo Nghị định số 64-CP, loại đất trồng cây lâu năm, sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 nên theo quy định không được xây dựng nhà ở, muốn chuyển sang mục đích đất ở thì phải đủ điều kiện theo quy định, đồng thời phải xin phép cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Tuy nhiên, ông [Nguyễn Văn Đ](#) chưa thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất ở nên [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) hỗ trợ 50% về đất ở cho diện tích 200m² (đất ở trong hạn mức), diện tích còn lại 239,7m² đất theo giá đất nông nghiệp là đúng quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 71/2007/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 của [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#); điểm a khoản 1 Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Việc hỗ trợ thêm 30% giá đất ở đối với diện tích 239,7m² đất với số tiền 31.640.400 đồng là đúng quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; Phương án bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng dự án [Khu tái định cư Đ, phường H, quận N](#) (ban hành kèm theo Quyết định số 7597/QĐ-UBND ngày 01/9/2011 của Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#); Điều 1 Quyết định số 08/2008/QĐ-UBND ngày 28/01/2008 của [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) quy định hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở đối với thửa đất ở có vườn, ao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn [thành phố Đà Nẵng các phường H, H](#): 200m²/hộ).

Về bố trí tái định cư: hộ ông [Nguyễn Văn Đ](#) cũng đã được bố trí 01 lô đất hộ chính đường 5,5m [Khu tái định cư Đ](#) có thu tiền sử dụng đất là đúng quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; điểm a khoản 2 Điều 44 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 71/2007/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 của [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) và phù hợp thực tế dự án. Sau khi xác minh nội dung khiếu nại, đối thoại, ngày 14/01/2020, Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) ban hành Quyết định số 131/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Văn Đ](#) (lần đầu) với nội dung: không chấp nhận khiếu nại của ông [Nguyễn Văn Đ](#) về bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư, là có căn cứ, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[1.3] Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, ngày 17/02/2020, ông [Nguyễn Văn Đ](#) tiếp tục có đơn khiếu nại đến Bộ trưởng [Bộ N1](#) yêu cầu bồi thường diện tích 668m² đất (trong đó: bồi thường 100% giá đất ở cho diện tích 200m², hỗ trợ 50% theo giá đất ở đối với diện tích còn lại) và giao hai lô đất hộ chính đường 7,5m. Xét thấy, diện tích đất thực tế ông [Nguyễn Văn Đ](#) sử dụng là 439,7m² nên ông [Nguyễn Văn Đ](#) yêu cầu bồi thường theo diện tích 668m² là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 47 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai. Ông [Nguyễn Văn Đ](#) sử dụng đất vào mục đích ở sau ngày 15/10/1993 nên được bồi thường 50% theo giá đất ở đối với hạn mức 200m², đối với diện tích 239,7m² đất còn lại ông [Đ](#) được hỗ trợ 30% theo giá đất ở và ông [Đ](#) được giao một lô đất có thu tiền sử dụng đất đường 5,5m là phù hợp. Do đó, ngày 30/7/2020, Bộ trưởng [Bô N1](#) ban hành Quyết định số 1669/QĐ-BTNMT về việc giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Văn Đ](#) (lần hai) với nội dung: không chấp nhận khiếu nại của ông [Nguyễn Văn Đ](#), yêu cầu Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) giải quyết hỗ trợ thêm cho ông [Nguyễn Văn Đ](#) 30% giá đất ở đối với diện tích 239,7m², là đúng quy định của pháp luật.

[1.4] Đối với kháng cáo yêu cầu hủy Công văn số 4304/UBND-BGPMB ngày 18/12/2024 của Chủ tịch [Ủy ban nhân dân quận N](#), thành phố Đà Nẵng về việc trả lời đơn công dân, Hội đồng xét xử thấy: ông [Nguyễn Văn Đ](#) có đơn kiến nghị đề nghị xem xét bồi thường 200m² đất ở và hỗ trợ 50% theo giá đất ở đối với diện tích 468m² ngoài việc bồi thường đất trồng cây lâu năm. Xét thấy, như đã phân tích tại các mục [1.2], [1.3], việc giải quyết các chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông [Nguyễn Văn Đ](#) đã được Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) ban hành các Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 13/3/2012, số 8986/QĐ-UBND ngày 30/10/2012, số 6051/QĐ-UBND ngày 22/8/2014, số 8130/QĐ-UBND ngày 12/11/2014, số 232/QĐ-UBND ngày 09/02/2023, số 3670/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 là phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông [Nguyễn Văn Đ](#).

[1.5] Xét kháng cáo của ông [Nguyễn Văn Đ](#) yêu cầu hủy các Quyết định số 2959/QĐ-UBND ngày 21/8/2019, số 2957/QĐ-UBND ngày 10/9/2020 và số 3143/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của Chủ tịch [Ủy ban nhân dân quận N](#), thành phố Đà Nẵng về việc cưỡng chế thu hồi đất thì thấy rằng: do hộ ông [Nguyễn Văn Đ](#) không chấp hành bàn giao diện tích đất bị thu hồi theo Quyết định số 8332/QĐ-UBND ngày 20/4/2024 của Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) nên ngày 08/8/2019, Giám đốc [Ban Giải phóng mặt bằng quận N](#) có Tờ trình số 654/TTr-BGPMB và Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và [Môi trường quận N](#) có Tờ trình số 1115/TTr-PTNMT về việc đề nghị Chủ tịch [Ủy ban nhân dân quận N](#), thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông [Nguyễn Văn Đ](#) để xây dựng [Khu tái định cư Đ](#). Ngày 21/8/2019, Chủ tịch [Ủy ban nhân dân quận N](#), thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 2959/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông [Nguyễn Văn Đ](#) và các ngày 10/9/2020, 14/9/2020, Chủ tịch [Ủy ban nhân dân quận N](#), thành phố Đà Nẵng ban hành các Quyết định số 2957/QĐ-UBND, số 3143/QĐ-UBND về điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 2959/QĐ-UBND nêu trên (điều chỉnh thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất) là có căn cứ, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69, Điều 71 của Luật Đất đai năm 2013. Vì vậy, nội dung kháng cáo này của ông [Nguyễn Văn Đ](#) là không thể chấp nhận.

[2] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông [Nguyễn Văn Đ](#) là có căn cứ, đúng quy

định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện ông [Nguyễn Văn Đ](#) như đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng và những người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: do toàn bộ nội dung kháng cáo của người khởi kiện ông [Nguyễn Văn Đ](#) không được chấp nhận nên ông [Đ](#) phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông [Nguyễn Văn Đ](#) và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 93/2025/HC-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 69, Điều 71 của Luật Đất đai năm 2013; điểm a khoản 1 Điều 45, khoản 1 Điều 47 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; khoản 2 Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông [Nguyễn Văn Đ](#) về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 8332/QĐ-UB ngày 20/4/2004 của Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) về thu hồi đất để thực hiện dự án [Khu tái định cư Đ](#);

- Hủy Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của Chủ tịch [Ủy ban nhân dân thành phố Đ](#) về việc giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Văn Đ](#) (lần đầu);

- Hủy Quyết định số 1669/QĐ-BTNMT ngày 30/7/2020 của Bộ trưởng [Bộ N1](#) về việc giải quyết khiếu nại của ông [Nguyễn Văn Đ](#) (lần hai);

- Hủy Văn bản số 4304/UBND-BGPMB ngày 18/12/2024 của Chủ tịch [Ủy ban nhân dân quận N](#), thành phố Đà Nẵng về việc trả lời đơn công dân;

- Hủy Quyết định số 2959/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của Chủ tịch [Ủy ban nhân dân quận N](#), thành phố Đà Nẵng về việc cưỡng chế thu hồi đất; hủy Quyết định số 2957/QĐ-UBND ngày 10/9/2020 và Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của Chủ tịch [Ủy ban nhân dân quận N](#), thành phố Đà Nẵng về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 2957/QĐ-UBND ngày 10/9/2020 của Chủ tịch [Ủy ban nhân dân quận N](#) (điều chỉnh thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất).

2. Về án phí: ông [Nguyễn Văn Đ](#) phải chịu 300.000đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004084 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND Tp. Đà Nẵng;
- VKSND Tp. Đà Nẵng;
- THA dân sự Tp. Đà Nẵng;
- Đương sự;
- NBV quyền và lợi ích hợp pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Liên

